

Số: 126/BC-THCN

Cò Nòi, ngày 30 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông Năm học 2022-2023

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 658/PGD&ĐT ngày 16/10/2022 của phòng GD&ĐT Mai Sơn về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo các Quy chế công khai năm học 2022 – 2023 và kế hoạch thực hiện Quy chế công khai năm học 2022-2023.

Trường Tiểu học Cò Nòi đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

I. Quán triệt hệ thống văn bản pháp quy:

- Triển khai đầy đủ nội dung quy chế thực hiện công khai đến toàn thể cán bộ, viên chức trong cuộc họp cơ quan.

- Triển khai hệ thống văn bản liên quan: Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

II. Thực hiện công khai:

1. Nội dung công khai:

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2022 - 2023: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (*Theo mẫu 05*).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: Công khai số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm 2022 - 2023; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh hoàn thành chương trình lớp học, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học (*Theo mẫu 06*).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: Quyết định thành lập Hội đồng, kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (*Theo mẫu 07*).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh và trình độ đào tạo (*Theo mẫu 08*).

1.3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học Cò Nòi công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022- 2023 (Biểu số 05).

- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022- 2023 (Biểu số 06)

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn NSNN năm 2022 (Biểu số 07).

- Thông báo công khai danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2022-2023. (kèm theo danh sách)

2. Hình thức và thời điểm công khai:

2.1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết thông báo.

- Công khai trên phạm vi toàn thể phụ huynh, nhân dân, cán bộ viên chức, học sinh.... Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo dần thương hiệu của trường về chất lượng.

2.2. Thời điểm công khai:

*** Từ tháng 9/2023:**

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ ngày 23/9/2023.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2024 của UBND huyện.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2023) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

-PGD-ĐT huyện (đề b/cáo);

-Lưu VP.

**T/M NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG**



Lê Thị Phụng

UBND HUYỆN MAI SƠN
TRƯỜNG TIỂU HỌC CÒ NÒI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học Cò Nòi
Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ đủ 6 tuổi có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại xã Cò Nòi Tiểu khu 1, tiểu khu 2, tiểu khu 3, tiểu khu 26, tiểu khu 39, tiểu khu 3/2, tiểu khu 19/5, Bản Phiêng Hỳ, Bản Mu Kít, ản Nhạp, ản Quỳnh Sơn, Bản Léch, Bản Mé Léch, Bản Nà Cang, Bản Cò Nòi, Bản Hua Nong, HTX Tân Thảo, Bản Tân Quỳnh, Bản Mòn với tổng số 281 học sinh	Tất cả học sinh được lên lớp 2 tổng số là: 324 học sinh	Tất cả học sinh được lên lớp 3 tổng số là: 293 học sinh	Tất cả học sinh được lên lớp 4 tổng số là: 328 học sinh	Tất cả học sinh được lên lớp 5 tổng số là: 328 học sinh
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện Chương trình GDPT2018 ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/T-BGDĐT ngày 26/12/2018			Thực hiện Chương trình Vnen	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường phối hợp với gia đình thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh (ít nhất 3 lần/ năm học), điện thoại trao đổi trực tiếp giữa giáo viên và cha mẹ học sinh. - Học sinh thực hiện 5 Điều Bác Hồ dạy, nhiệm vụ của học sinh, nội quy của học sinh, của nhà trường 				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập cho học sinh: Giáo dục các kỹ năng sống, hội thi ghi thức Đội, thăm mẹ Việt Nam anh hùng, tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khoá theo chủ đề, chủ điểm (mỗi tháng ít nhất 1 lần)				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: + Đạt: 281/281 tỉ lệ 100% + Chưa đạt: 0 - Năng lực: + Đạt: 281/281 tỉ lệ 100% + Chưa đạt: 0 - Hoàn thành CT lớp học: 281/281 tỉ lệ 100% 	<ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: + Đạt: 324/324 tỉ lệ 100% + Chưa đạt: 0 - Năng lực: 	<ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: + Đạt: 293/293 tỉ lệ 100% + Chưa đạt: 0 - Năng lực: 	<ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: + Đạt: 328/328 tỉ lệ 100% + Chưa đạt: 0 - Năng lực: 	<ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất: + Đạt: 328/328 tỉ lệ 100% + Chưa đạt: 0 - Năng lực:

			+ Đạt: 324/324 tỉ lệ 100% + Chưa đạt: 0 - Hoàn thành CT lớp học: 324/324 tỉ lệ 100%	+ Đạt: 293/293 tỉ lệ 100% + Chưa đạt: 0 - Hoàn thành CT lớp học: 293/293 tỉ lệ 100%	+ Đạt: 328/328 tỉ lệ 100% + Chưa đạt: 0 - Hoàn thành CT lớp học: 328/328 tỉ lệ 100%	+ Đạt: 328/328 tỉ lệ 100% + Chưa đạt: 0 - Hoàn thành CTTH 328/328 tỉ lệ 100%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<p>- Trường sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để duy trì sĩ số học sinh theo học trong năm tại trường.</p> <p>- Học sinh có đủ khả năng học tập tiếp tục lên lớp học trên (tiếp tục học THCS)</p>				

Cò Nòi, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Phụng

UBND HUYỆN MAI SƠN
TRƯỜNG TIỂU HỌC CỒ NÒI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục
Năm học 2022-2023

S TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1554	281	324	293	328	328
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	1554	281	324	293	328	328
III	Số học sinh chia theo Năng lực, phẩm chất.	1554	281	324	293	328	328
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1089/1554 đạt 70%	201	233	203	227	225
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	465/1554 đạt 30%	80	91	90	101	103
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số HS chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	690/1554 đạt 44%	137	145	134	133	121
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	864/1554 đạt 56%	144	179	159	195	207
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	x	x	x	x	x	x
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	1554/1554 đạt 100%	281	324	293	328	328
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	690/1554 đạt 44%	137	145	134	133	121
b	HS được khen thưởng cấp trên (tỷ lệ so với tổng số)	125/1554 đạt 8%	5	15	25	45	35
c	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	x	x	x	x	x	x

Cồ Nòi, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Phụng

Biểu mẫu 07Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGD-ĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào TạoUBND HUYỆN MAI SƠN
TRƯỜNG TIỂU HỌC CÒ NÒI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**THÔNG BÁO**
Công khai thông tin cơ sở vật chất
Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	50	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	-
2	Phòng học bán kiên cố	30	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường lẻ	5	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	41,634 m ²	27 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5	10824 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		4326 m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	50	3894 m ²
2	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	50	3894 m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	03	216m ²
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	01	216m ²
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	5	26484 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 1	9	281/9
2	Khối lớp 2	9	324/9
3	Khối lớp 3	9	293/9
4	Khối lớp 4	12	328/12
5	Khối lớp 5	11	328/11
VII I	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	74	949/74
IX	Tổng số thiết bị		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	6	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	35	
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp	01 = 54 m ²				
XI	Nhà ăn	02 = 108 m ²				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	03= 132 m ²	100	1,32m ² /01 HS		
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	06	09	09	0,26m ² /HS	0,26m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy định chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Cò Nòi, ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Phụng

Biểu mẫu 08
 Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGD-ĐT
 ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào Tạo

UBND HUYỆN MAI SƠN
TRƯỜNG TIỂU HỌC CÒ NÒI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường tiểu học Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	TB	Yếu
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	88			55	21	6	6	48	18	22	16	66	06	
I	Giáo viên	76			52	19	05		40	16	20	13	63		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	64			47	17			32	15	17	12	52		
1	Mĩ thuật	03			01	01	01		03				03		
2	Thể dục	03				01	02		03				03		
3	Âm nhạc	02					02		02				02		
4	Tiếng Anh	03			03					01	02		03		
5	Tin học	01			01						01	01			
II	Cán bộ quản lý	03			03					01	02	03			
1	Hiệu trưởng	01			01					01		01			
2	PHT	02			02						02	02			
III	Nhân viên	03				02	01		02	01			03		
1	Văn thư	01					01			01			01		
2	Thư viện	01				01			01				01		
3	Thiết bị	01				01			01				01		
IV	NĐ 68	06					06		06					06	
1	Phục vụ	03					03		03					03	
3	Nhân bảo vệ	03					03		03					03	

Cò Nòi, ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Phụng